

Số: 06 /2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp về tổ chức thi hành văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ Về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 40/TTr-STP ngày 18 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 9 năm 2025; thay thế Quyết định số 501/2016/QĐ- UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 24/2020/QĐ- UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 501/2016/QĐ- UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT, TTTT;
- Lưu: VT, NC.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thịnh

QUY CHẾ
Phối hợp về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày /9/2025 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Những nội dung khác không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức hành chính khác (sau đây gọi chung là cơ quan).

2. Ủy ban nhân dân xã, phường.

3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện hoạt động tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, địa phương và những quy định pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, chủ động và trách nhiệm giữa các cơ quan, địa phương.

3. Phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan, địa phương. Đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

4. Không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức và cá nhân khi tiến hành các hoạt động tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
2. Xây dựng Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
4. Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
5. Xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
6. Báo cáo về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
7. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
2. Tổ chức họp, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Tham gia đoàn kiểm tra, điều tra, thu thập thông tin về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
4. Các hình thức khác: Phối hợp qua nền tảng số, hệ thống quản lý văn bản điện tử...

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ban hành cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản đó, cơ quan, đơn vị có liên quan quyết định việc xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai nếu cần thiết.
2. Căn cứ nhiệm vụ được giao và tính chất, nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai gồm một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm xác định kết quả cụ thể của từng nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời hạn thực hiện.

Điều 7. Xây dựng Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:
 - a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế

hoạch trọng tâm, liên ngành, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương và gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

b) Ban hành và thực hiện Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực được phân công và khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

c) Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc ban hành và thực hiện Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, địa phương.

2. Các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Hàng năm, căn cứ Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tiễn thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực, địa phương; các ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật nếu cần thiết. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có phát sinh hoặc thay đổi, các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp.

b) Gửi Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, ngành, địa phương về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

c) Tham gia ý kiến vào dự thảo Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 8. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn kiểm tra công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được gửi đến cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra (sau đây gọi chung là đối tượng được kiểm tra) chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra. Trường hợp kiểm tra đột xuất, quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được gửi đến cho đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra.

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động kiểm tra, đoàn kiểm tra dự thảo kết luận kiểm tra và gửi cho đối tượng được kiểm tra để lấy ý kiến đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra.

đ) Kết luận kiểm tra được gửi cho đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành để thực hiện các nội dung nêu trong kết luận kiểm tra và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật.

e) Chỉ đạo việc đôn đốc đối tượng được kiểm tra thực hiện kết luận kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật thông qua việc yêu cầu đối tượng được kiểm tra báo cáo tình hình thực hiện kết luận kiểm tra và cung cấp tài liệu chứng minh.

g) Quyết định kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật khi hết thời hạn phải thực hiện kết luận kiểm tra mà đối tượng được kiểm tra không hoàn thành việc thực hiện kết luận kiểm tra hoặc đối tượng được kiểm tra không thực hiện trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận kiểm tra.

h) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm kết thúc kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật, gửi thông báo kết quả và việc xử lý kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra đến đối tượng được kiểm tra và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn kiểm tra khi được Sở Tư pháp đề nghị và tạo các điều kiện cần thiết để bảo đảm cho cán bộ, công chức đã được cử tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn kiểm tra.

c) Đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra, đối tượng được kiểm tra gửi lại đoàn kiểm tra ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Thành lập đoàn kiểm tra công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

c) Thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

d) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c khoản này.

4. Các tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Đoàn kiểm tra trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm tra.

b) Thực hiện các quy định tại Điểm c, đ khoản 3 Điều 14 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật từ các nguồn:

Báo cáo của cơ quan, tổ chức;

Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;

Phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản của tổ chức, cá nhân;

Kết quả hoạt động điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác;

Kết quả hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Các nguồn thông tin khác theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì hoạt động điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác theo Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm.

2. Các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công quản lý.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp trong hoạt động điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác theo Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm trong trường hợp tiến hành điều tra, khảo sát tại cơ quan và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 10. Xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tự mình kiến nghị các cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hàng năm gửi Bộ Tư pháp.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo việc xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ

sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật và gửi về Bộ Tư pháp để tổng hợp, theo dõi trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các cơ quan có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị trong hoạt động theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền ở ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị trong hoạt động theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật về Sở Tư pháp để theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị trong hoạt động theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên.

b) Đôn đốc, theo dõi việc thực hiện kiến nghị trong hoạt động theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức trên địa bàn. Trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không nghiêm túc các kiến nghị, các yêu cầu xử lý kết quả theo dõi việc thi hành pháp luật, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp để xem xét, xử lý.

c) Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị trong hoạt động theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật về Sở Tư pháp để theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 11. Báo cáo về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm, gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Báo cáo việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực, chuyên đề với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp theo Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan có trách nhiệm:

a) Báo cáo về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm trong ngành, lĩnh vực quản lý gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Báo cáo kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề được xác định trong Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm, gửi báo cáo về Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành để theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo quy định. Báo cáo việc thi hành pháp luật theo chuyên đề thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Báo cáo khi phát hiện những vướng mắc, bất cập của các quy định pháp luật trong ngành, lĩnh vực quản lý và báo cáo kết quả xử lý các kiến nghị theo yêu

cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm tại địa phương gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Báo cáo kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

4. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật gồm:

a) Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật định kỳ hàng năm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP;

b) Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP;

c) Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về tổ chức thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 12. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý theo chỉ đạo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Tiến hành sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật dựa trên một trong các căn cứ sau:

a) Theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó.

b) Theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Hình thức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

Căn cứ vào tính chất của văn bản quy phạm pháp luật, nội dung, yêu cầu của việc sơ kết, tổng kết, cơ quan có trách nhiệm tổ chức sơ kết, tổng kết lựa chọn một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.

b) Tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết.

4. Báo cáo sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật.

c) Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

d) Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

đ) Kiến nghị giải pháp để khắc phục khó khăn, vướng mắc, biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

e) Những nội dung khác (nếu có).

Điều 13. Tham gia phối hợp của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức liên quan

1. Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức liên quan phối hợp thực hiện cung cấp thông tin về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điểm b, c, d khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các hoạt động phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó đảm bảo theo phân cấp ngân sách và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Việc lập dự toán, quyết toán được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm bảo đảm và ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.